

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 10485
	Giờ..... Ngày 4 tháng 4 năm 11

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2010

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 - 3.851.035

Fax: 0351 - 3.855.296

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Tổng Giám đốc

1 - 4

Báo cáo kiểm toán

5 - 6

Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

7 - 8

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

9

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

10

Thuyết minh Báo cáo tài chính

11 - 22



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico trình bày báo cáo này, kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico (sau đây được viết tắt là "Công ty"), như sau:

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico (tiền thân là Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý - doanh nghiệp Nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 737/QĐ-UB ngày 30/8/2000 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chuyển Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam; đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 22/12/2007 (đăng ký thay đổi lần thứ 7) trên cơ sở sáp nhập hai Công ty:

- Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Khoáng sản Hà Nam: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Khoáng sản Hà Nam;
- Công ty Cổ phần Bao bì Phú Mỹ: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000217 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Bao bì Phú Mỹ.

Việc sáp nhập được thực hiện trên cơ sở toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của hai Công ty nêu trên được chuyển sang công ty nhận sáp nhập - Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam.

Tổng Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700.189.368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 11/11/2009 (đăng ký thay đổi lần thứ 9).

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 14, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại 31/12/2010 là **116.900.000.000** đồng (*Một trăm mười sáu tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn*).

Cơ cấu vốn điều lệ:

Đối tượng góp vốn:	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Xuân Mai	6.500.000	65.000.000.000	55,60%
Ông Nguyễn Tiến Dũng	2.000.000	20.000.000.000	17,11%
Bà Nguyễn Thị Mão	1.000.000	10.000.000.000	8,56%
Các cổ đông phổ thông khác	2.190.000	21.900.000.000	18,73%
Tổng	11.690.000	116.900.000.000	100,00%

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

2. Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Trong năm tài chính 2010, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất và kinh doanh gạch tuynel.

3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản;
- Khai thác và chế biến khoáng sản (khai thác quặng kim loại), khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét;
- Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình;
- Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp;
- Mua bán thực phẩm nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, nhà đất;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy;
- Xây dựng công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống, san lấp mặt bằng;
- Sản xuất, lắp ráp mua bán: máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị nội thất gia đình;
- Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao vui chơi, giải trí;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng, bốc xếp hàng hóa, kinh doanh du lịch;
- Sản xuất kinh doanh và in mác nhãn vở bao, bao bì đóng gói;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại;
- Sản xuất máy móc thiết bị thông thường phục vụ dân sinh;
- Sản xuất xi măng các loại;
- Sản xuất các sản phẩm từ bê tông: sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép;
- Mua bán vật liệu xây dựng: Gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi;
- Mua bán hàng trang trí nội thất;
- Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; và
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

11.
HÀNG
Y TH
OÀN
J T
J CH

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

4. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

❖ Hội đồng quản trị:

- | | | |
|--------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Lê Trung Kiên | Chủ tịch | (Bổ nhiệm ngày 11/01/2011) |
| • Ông Nguyễn Xuân Mai | Chủ tịch | (Miễn nhiệm ngày 10/01/2011) |
| • Ông Nguyễn Tiến Dũng | Ủy viên | |
| • Ông Nguyễn Minh Hoàn | Ủy viên | |
| • Bà Đặng Thị Thu Phương | Ủy viên | |
| • Ông Đặng Văn Lành | Ủy viên | |

❖ Ban Giám đốc:

- | | |
|--------------------------|-------------------|
| • Ông Nguyễn Tiến Dũng | Tổng Giám đốc |
| • Bà Đặng Thị Thu Phương | Phó Tổng giám đốc |
| • Bà Lâm Thị Thu Trang | Kế toán trưởng |

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 07 đến 22 kèm theo.

6. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

7. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2010; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

7. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Hà Nam, ngày 22 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 100765/BCKT- AISHN

Hà Nội, ngày 3 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico**

**Kính gửi: TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được lập ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần tập đoàn khoáng sản Hamico (sau đây viết tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho những ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; phù hợp với Chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý:

Chúng tôi lưu ý rằng, trong năm 2010 Công ty Cổ phần tập đoàn Khoáng sản HAMICO có được chia 12 tỷ đồng lợi nhuận từ hợp đồng liên doanh 3 bên giữa Tổng Công ty Khoáng sản Hà Nam (Nay là Công ty Cổ phần tập đoàn Khoáng sản HAMICO) với Công ty Cổ phần Xây dựng Sơn Trang và Công ty TNHH Hùng Dũng từ năm 2006 và Công ty Cổ phần tập đoàn Khoáng sản HAMICO đang hạch toán trên tài khoản thu nhập khác. Tuy nhiên:

- Hợp đồng liên doanh và các tài liệu liên quan đến hợp tác giữa các bên chưa thể hiện rõ giá trị vốn góp để xác định quyền lợi và nghĩa vụ của các bên trong liên doanh, đồng thời Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico chưa thể hiện hoạt động liên doanh này trên các Báo cáo tài chính cũng như sổ kế toán kể từ khi phát sinh hoạt động liên doanh đến khi xuất hiện việc phân chia lợi nhuận;

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St., Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Tel: (04) 3782 0045/46 /47 Fax: (04) 3782 0048 Email: aishn@hn.vnn.vn 5

Branch in Đà Nẵng : 36 Hà Huy Tập St., Thanh Khê Dist, Đà Nẵng

Tel: (0511) 371 5619 Fax: (0511) 371 5620 Email: aiscnt@dng.vnn.vn

Representative in Cần Thơ : 5Đ, 30/4 St., Ninh Kiều Dist, Cần Thơ City.

Tel: (0710) 3813 004 Fax: (0710) 3828 765

Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng

Tel: (031) 3569 577 Fax: (031) 3569 576

- Theo hợp đồng liên doanh 3 bên và các tài liệu có liên quan: Khoản lợi nhuận được chia từ liên doanh là số lợi nhuận có được sau khi Công ty TNHH Hùng Dũng (Đơn vị nhận khoán gọn) đã hoàn thành hết các nghĩa vụ theo quy định, nhưng thực tế khoản thu nhập khác (12 tỷ đồng) Công ty đang hạch toán chưa được loại trừ khỏi thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ
TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Giám đốc

Kiểm toán viên



Đào Tiên Đạt

Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

A blue ink signature of Vu Khắc Chuyên.

Vũ Khắc Chuyên

Chứng chỉ KTV số: 0160/KTV

2013
CHI NHÁNH
NG
SM T
H VU
P. HỒ
IGIA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.551.303.922	66.219.714.054
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		83.563.947	2.542.502.013
1. Tiền	111	V.1	83.563.947	2.542.502.013
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.955.709.450	47.051.555.122
1. Phải thu khách hàng	131		32.685.737.615	46.497.887.722
2. Trả trước cho người bán	132		1.683.429.842	934.938.150
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	0	474.702.553
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.413.458.007)	(855.973.303)
IV. Hàng tồn kho	140		7.512.030.525	16.606.870.703
1. Hàng tồn kho	141	V.4	7.512.030.525	16.606.870.703
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		0	18.786.216
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	0	18.786.216
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		148.370.301.859	140.235.486.108
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		141.117.012.801	129.185.122.569
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	139.502.469.918	118.462.438.796
<i>Nguyên giá</i>	222		162.044.357.240	134.467.179.500
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22.541.887.322)	(16.004.740.704)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	33.600.000	38.400.000
<i>Nguyên giá</i>	228		48.000.000	48.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(14.400.000)	(9.600.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.580.942.883	10.684.283.773
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.685.000.000	9.370.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	5.685.000.000	9.370.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.568.289.058	1.680.363.539
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.568.289.058	1.680.363.539
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		188.921.605.781	206.455.200.162

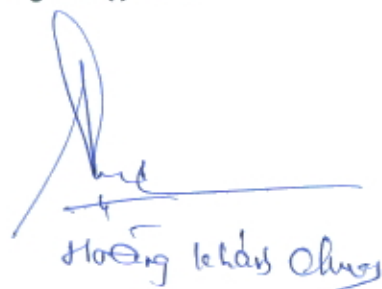
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		41.867.853.894	67.871.930.803
I. Nợ ngắn hạn	310		41.867.853.894	62.871.930.803
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	30.193.888.000	52.492.224.970
2. Phải trả người bán	312		5.344.447.436	6.851.549.038
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	4.726.582.356	2.932.539.555
5. Phải trả người lao động	315		695.637.340	540.976.309
6. Chi phí phải trả	316	V.17	51.723.498	25.666.667
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	845.601.000	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.974.264	28.974.264
II. Nợ dài hạn	330		0	5.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	0	5.000.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147.053.751.887	138.583.269.359
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	147.053.751.887	138.583.269.359
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		116.900.000.000	116.900.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		30.153.751.887	21.683.269.359
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		188.921.605.781	206.455.200.162

Hà Nam, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu


Hoàng Lê Hải Chung

Kế toán trưởng



Lâm Thị Thu Trang

Giám đốc



Nguyễn Tiên Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	77.344.330.385	75.208.548.266
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	77.344.330.385	75.208.548.266
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	51.665.129.091	46.610.255.622
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.679.201.294	28.598.292.644
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	3.271.323.291	23.577.957
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	1.407.996.763	1.518.636.764
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.353.283.963	1.518.636.764
8. Chi phí bán hàng	24		4.511.093.893	3.791.463.999
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.449.686.908	2.982.687.812
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.581.747.021	20.329.082.026
11. Thu nhập khác	31		14.781.651.264	8.037.750.896
12. Chi phí khác	32		4.585.723.063	4.436.743.455
13. Lợi nhuận khác	40		10.195.928.201	3.601.007.441
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.777.675.222	23.930.089.467
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	3.772.192.694	3.001.837.285
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.005.482.528	20.928.252.182
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.35	2.224,59	1.790,27

Hà Nam, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Hoàng Kim Chung



Lâm Thị Thu Trang



Nguyễn Tiến Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010


CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	110.046.659.180	51.752.525.401
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(49.040.344.318)	(46.098.407.391)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.223.054.800)	(6.091.192.468)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.301.583.296)	(1.528.631.220)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.936.302.174)	(1.300.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12.259.410.985	19.712.648.125
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(10.234.001.247)	(17.936.438.549)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	52.570.784.330	(1.489.496.102)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(17.998.309.717)	(19.540.306.614)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	7.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(700.000.000)	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.632.000.000	9.900.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.323.291	23.577.957
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.041.986.426)	(2.616.728.657)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	58.059.489.000	95.890.213.965
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(85.357.825.970)	(79.720.144.666)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.689.399.000)	(11.690.000.000)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40	(43.987.735.970)	4.480.069.299
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.458.938.066)	373.844.540
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.542.502.013	2.168.657.473
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	83.563.947	2.542.502.013

Hà Nam, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hoàng Văn Chung



Lâm Thị Thu Trang



Nguyễn Tiên Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico (tiền thân là Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý - doanh nghiệp Nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 737/QĐ-UB ngày 30 tháng 8 năm 2000 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chuyển Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam; đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 22/12/2007 (đăng ký thay đổi lần thứ 7) trên cơ sở sáp nhập hai công ty:

- Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Khoáng sản Hà Nam: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Khoáng sản Hà Nam;
- Công ty Cổ phần Bao bì Phú Mỹ: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000217 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Bao bì Phú Mỹ.

Tổng Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700.189.368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 11/11/2009 (đăng ký thay đổi lần thứ 9).

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 14, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại 31/12/2010 là **116.900.000.000** đồng (Một trăm mười sáu tỷ, chín trăm triệu đồng).

Cơ cấu vốn điều lệ:

Đối tượng góp vốn:	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Xuân Mai	6.500.000	65.000.000.000	55,60%
Ông Nguyễn Tiến Dũng	2.000.000	20.000.000.000	17,11%
Bà Nguyễn Thị Mão	1.000.000	10.000.000.000	8,56%
Các cổ đông phổ thông khác	2.190.000	21.900.000.000	18,73%
Tổng	11.690.000	116.900.000.000	100,00%

2- Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Trong năm tài chính 2009, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất và kinh doanh gạch tuynel.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản;
- Khai thác và chế biến khoáng sản (khai thác quặng kim loại), khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét;
- Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình;
- Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp;
- Mua bán thực phẩm nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, nhà đất;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy;
- Xây dựng công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống, san lấp mặt bằng;
- Sản xuất, lắp ráp mua bán: máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị nội thất gia đình;
- Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao vui chơi, giải trí;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng, bốc xếp hàng hóa, kinh doanh du lịch;
- Sản xuất kinh doanh và in mác nhãn vở bao, bao bì đóng gói;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại;
- Sản xuất máy móc thiết bị thông thường phục vụ dân sinh;
- Sản xuất xi măng các loại;
- Sản xuất các sản phẩm từ bê tông: sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép;
- Mua bán vật liệu xây dựng: Gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi;
- Mua bán hàng trang trí nội thất;
- Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; và
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (Đồng).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các ngân hàng tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí: Tiền đóng góp giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho Ban quản lý dự án cụm Trung tâm công nghiệp Nam Châu Sơn, thành phố Phủ Lý được phân bổ theo thời gian thuê đất (50 năm); công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính cần phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong thời gian 24 tháng.

Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tuân thủ 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo hợp đồng và thời gian cung cấp dịch vụ thực tế.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong kỳ là chi phí lãi tiền vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo Quyết định số 100/QĐ-UB ngày 16/01/2001 của UBND tỉnh Hà Nam về việc cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho Công ty Cổ phần khoáng sản Hà Nam (nay là Công ty Cổ phần tập đoàn khoáng sản HAMICO). Theo đó Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản HAMICO) được miễn 2 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo tính từ thời điểm có thu nhập chịu thuế với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25%.

Trong năm tài chính 2010, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp năm thứ 4.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc và kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 - Tiền

	31/12/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Tiền mặt tại quỹ	81.481.804	22.057.200
Tiền gửi ngân hàng	2.082.143	2.520.444.813
<i>Tiền Việt Nam gửi ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>		
<i>- Chi nhánh Hà Nam</i>	<u>2.082.143</u>	<u>2.520.444.813</u>
Cộng	<u>83.563.947</u>	<u>2.542.502.013</u>

3 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Tài sản thiếu chờ xử lý	0	466.656.218
Phải thu khác	0	8.046.335
Cộng	<u>0</u>	<u>474.702.553</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 - Hàng tồn kho

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Nguyên liệu, vật liệu	4.046.572.970	8.570.878.072
Công cụ, dụng cụ	58.452.000	58.452.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.068.445.300	1.218.880.499
Thành phẩm	2.189.679.711	4.215.920.965
Hàng hóa	148.880.544	2.542.739.167
Cộng giá gốc hàng tồn kho	7.512.030.525	16.606.870.703

5 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	0	18.786.216
Cộng	0	18.786.216

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: Đồng

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	84.089.065.037	33.762.221.889	15.812.043.397	803.849.177	134.467.179.500
Tăng do mua sắm	0	7.482.686.182	6.690.272.727	997.125.091	15.170.084.000
Tăng do XDCB hoàn thành	18.192.948.189	0	0	0	18.192.948.189
Thanh lý, nhượng bán	3.804.190.769	1.727.252.270	61.291.600	0	5.592.734.639
Giảm khác	0	9.523.810	0	183.596.000	193.119.810
Tại ngày 31/12/2010	98.477.822.457	39.508.131.991	22.441.024.524	1.617.378.268	162.044.357.240
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	6.410.913.065	6.725.125.932	2.521.919.121	346.782.586	16.004.740.704
Khấu hao trong kỳ	3.532.568.185	2.891.197.021	1.522.671.638	104.252.191	8.050.689.035
Tăng khác	0	992.063	0	0	992.063
Thanh lý, nhượng bán	972.724.801	504.398.333	20.430.528	2.662.575	1.500.216.237
Giảm khác	0	5.925.940	0	8.392.303	14.318.243
Tại ngày 31/12/2010	8.970.756.449	9.106.990.743	4.024.160.231	439.979.899	22.541.887.322
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	77.678.151.972	27.037.095.957	13.290.124.276	457.066.591	118.462.438.796
Tại ngày 31/12/2010	89.507.066.008	30.401.141.248	18.416.864.293	1.177.398.369	139.502.469.918

- o Giá trị còn lại tại 31/12/2010 của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: 57.419.355.018 đồng.
- o Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao tại ngày 31/12/2010 nhưng vẫn còn sử dụng: 169.447.619 đồng.
- o Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31/12/2010 chờ thanh lý: 0 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: Đồng

KHOẢN MỤC	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2010	48.000.000	48.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2010	48.000.000	48.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2010	9.600.000	9.600.000
Khấu hao trong năm	4.800.000	4.800.000
Số dư tại ngày 31/12/2010	14.400.000	14.400.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 01/01/2010	38.400.000	38.400.000
Số dư tại ngày 31/12/2010	33.600.000	33.600.000

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Công trình xây dựng xưởng rút sắt	1.580.942.883	0
Công trình xây dựng văn phòng Tổng công ty	0	10.684.283.773
Cộng	1.580.942.883	10.684.283.773

13- Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số cổ phiếu	Giá trị (Đồng)	Số cổ phiếu	Giá trị (Đồng)
Đầu tư vào Tổng công ty Cổ phần Xuất khẩu Đồng Nam Á Hamico	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Đầu tư vào Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Na Ri Hamico	200.000	3.685.000.000	400.000	7.370.000.000
Cộng	400.000	5.685.000.000	600.000	9.370.000.000

14- Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.051.024.443	1.166.612.024
Tiền đóng góp giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho Ban quản lý dự án cụm Trung tâm công nghiệp Nam Châu Sơn, thị xã Phủ Lý để được quyền thuê đất 50 năm.	498.751.515	513.751.515
Chi phí lập đề án bảo vệ môi trường	18.513.100	0
Cộng	1.568.289.058	1.680.363.539

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15- Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Ngân hàng TMPC Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	20.689.399.000	6.000.000.000
Vay các đối tượng khác	9.504.489.000	46.492.224.970
+ Nguyễn Minh Hoàn	0	5.612.224.970
+ Nguyễn Thị Kim Thoa	3.610.090.000	28.840.000.000
+ Nguyễn Thị Kiện	40.000.000	40.000.000
+ Nguyễn Tiến Dũng	5.854.399.000	12.000.000.000
Cộng	30.193.888.000	52.492.224.970

(*) Trong năm tài chính 2010 Công ty vay ngắn hạn của các cá nhân với lãi suất 0%

16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Thuế giá trị gia tăng	915.979.799	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.723.902.557	2.906.899.555
Thuế thu nhập cá nhân	0	2.040.000
Thuế tài nguyên và phí môi trường	73.885.568	23.600.000
Các loại thuế khác	12.814.432	0
Cộng	4.726.582.356	2.932.539.555

17- Chi phí phải trả

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	51.723.498	25.666.667
Cộng	51.723.498	25.666.667

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Cổ tức phải trả năm 2009	845.601.000	0
Cộng	845.601.000	0

20. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	0	5.000.000.000
Cộng	0	5.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22- Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	116.900.000.000	12.445.017.177	129.345.017.177
Lãi trong năm	0	20.928.252.182	20.928.252.182
Giảm khác	0	(11.690.000.000)	(11.690.000.000)
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	116.900.000.000	21.683.269.359	138.583.269.359
Lãi trong kỳ	0	26.005.482.528	26.005.482.528
Giảm khác (*)	0	(17.535.000.000)	(17.535.000.000)
Số dư cuối kỳ	116.900.000.000	30.153.751.887	147.053.751.887

(*) : Phân cổ tức năm 2009 trả cho cổ đông theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 24/04/2010.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Vốn góp của các đối tượng khác	116.900.000.000	116.900.000.000
Cộng	116.900.000.000	116.900.000.000

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	116.900.000.000	116.900.000.000
+ Vốn góp đầu năm	116.900.000.000	116.900.000.000
+ Vốn góp cuối năm	116.900.000.000	116.900.000.000
- Cổ tức lợi nhuận năm 2009 đã chia	16.689.399.000	11.690.000.000

đ- Cổ phiếu

	Năm 2010 Cổ phiếu	Năm 2009 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.690.000	11.690.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.690.000	11.690.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.690.000	11.690.000

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****25- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.344.330.385	75.208.548.266
Doanh thu bán hàng hóa	76.929.692.785	75.208.548.266
Doanh thu cung cấp dịch vụ	414.637.600	0
- Doanh thu gia công	414.637.600	0

27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.344.330.385	75.208.548.266
Doanh thu bán hàng hóa	76.929.692.785	75.208.548.266
Doanh thu cung cấp dịch vụ	414.637.600	0
- Doanh thu gia công	414.637.600	0

28- Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
Giá vốn của hàng hóa đã bán	51.665.129.091	46.610.255.622
Cộng	51.665.129.091	46.610.255.622

29- Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.323.291	23.577.957
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.247.000.000	0
Cộng	3.271.323.291	23.577.957

30- Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.712.800	0
Chi phí lãi vay	1.353.283.963	1.518.636.764
Cộng	1.407.996.763	1.518.636.764

31- Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.772.192.694	3.001.837.285
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.772.192.694	3.001.837.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009(*) Đồng
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.648.607.452	
Chi phí nhân công	6.068.255.280	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.262.570.264	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.526.262.622	
Chi phí khác bằng tiền	1.882.107.550	
Cộng	53.387.803.168	

(): Không có số liệu so sánh năm 2009 do Báo cáo tài chính 2009 không thuyết minh số liệu này***35- Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.005.482.528	20.928.252.182
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.005.482.528	20.928.252.182
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.690.000	11.690.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.224,59	1.790,27

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT ngày 04/01/2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần tập đoàn khoáng sản HAMICO, Công ty sẽ góp vốn sáng lập vào Công ty Cổ phần Truyền thông HAMICO với số tiền **30.000.000.000 đồng** (tương ứng 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Truyền thông HAMICO)

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

3- Thông tin về các bên liên quan

Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng HAMICO II

Địa chỉ: Xóm 6 Đức Thông, Xã Chân Lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0700516590 ngày 22/11/2010.

Vốn điều lệ: 90.000.000.000 (Chín mươi tỷ đồng chẵn)

Vốn góp của Công ty mẹ: 100%

Trong năm tài chính 2010 không có phát sinh giao dịch với Công ty con

5- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu kỳ và năm tài chính trước được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Tổng Công ty Khoáng sản Hà Nam (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản HAMICO) đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC), có phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày Báo cáo tài chính theo thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)


(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6- Tình hoạt động liên tục


Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nam, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu


Hoàng Văn Chung

Kế toán trưởng


Lâm Chí - Chu Trang

Tổng Giám đốc


Nguyễn Tiên Dũng